

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
1	001203	HOÀNG THÁI SƠN	25/6/2009	TH, THCS và THPT Vinschool Imperia	Sinh học	Nhất
2	001053	VŨ NGUYỄN AN	02/10/2009	TH, THCS và THPT Vinschool Imperia	Sinh học	Ba
3	000519	DƯƠNG PHÚC LINH	20/11/2009	TH, THCS và THPT Vinschool Imperia	Toán	Nhì
4	000465	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	10/8/2009	TH, THCS và THPT Vinschool Imperia	Toán	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
5	001036	PHẠM TRỌNG TRUNG	24/01/2008	THPT An Dương	Hoá học	Nhất
6	000894	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	26/01/2008	THPT An Dương	Hoá học	Nhì
7	000976	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	28/9/2008	THPT An Dương	Hoá học	Nhì
8	000870	VŨ TRẦN BẢO ĐAN	08/11/2008	THPT An Dương	Hoá học	Nhì
9	001008	LÊ VĂN ANH TÀI	30/8/2008	THPT An Dương	Hoá học	Nhì
10	001073	TRẦN THỊ HẢI ANH	13/5/2008	THPT An Dương	Sinh học	KK
11	001198	PHAN VIỆT QUANG	11/3/2008	THPT An Dương	Sinh học	KK
12	001060	LÊ THỊ MAI ANH	07/01/2008	THPT An Dương	Sinh học	KK
13	000486	LƯƠNG QUANG HUY	24/02/2009	THPT An Dương	Toán	Nhì
14	000526	ĐOÀN ĐỨC LỘC	11/12/2009	THPT An Dương	Toán	Nhì
15	000545	PHẠM ĐỨC MINH	15/9/2009	THPT An Dương	Toán	Ba
16	000752	LÊ VĂN MINH	19/6/2008	THPT An Dương	Vật lí	Nhất
17	000837	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	14/11/2008	THPT An Dương	Vật lí	Nhất
18	000669	VŨ TIẾN DŨNG	05/11/2008	THPT An Dương	Vật lí	Nhì
19	000813	VŨ QUANG THUẬN	19/5/2008	THPT An Dương	Vật lí	Nhì
20	000637	LÊ VŨ ANH	24/5/2008	THPT An Dương	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
21	000844	HOÀNG HẢI ANH	04/12/2006	THPT An Lão	Hoá học	Ba
22	000864	NGUYỄN MINH DŨNG	28/4/2008	THPT An Lão	Hoá học	KK
23	000839	ĐINH THẾ AN	23/7/2008	THPT An Lão	Hoá học	KK
24	001044	HOÀNG HỒNG VÂN	07/12/2008	THPT An Lão	Hoá học	KK
25	001195	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	15/8/2008	THPT An Lão	Sinh học	Ba
26	001090	VŨ THÙY DƯƠNG	09/6/2008	THPT An Lão	Sinh học	Ba
27	001138	NGUYỄN MAI GIA LINH	24/9/2008	THPT An Lão	Sinh học	KK
28	001160	VŨ NHẬT MINH	28/10/2008	THPT An Lão	Sinh học	KK
29	000416	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	25/01/2009	THPT An Lão	Toán	KK
30	000535	ĐÀO VIỆT HOÀNG MINH	14/7/2009	THPT An Lão	Toán	KK
31	000751	ĐẶNG TIẾN MINH	17/12/2008	THPT An Lão	Vật lí	Nhì
32	000663	DƯƠNG NGỌC DUNG	31/5/2008	THPT An Lão	Vật lí	Nhì
33	000697	BÙI THỊ THANH HIỀN	19/9/2008	THPT An Lão	Vật lí	Ba

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
34	001000	TRỊNH MINH QUÂN	28/7/2008	THPT Bạch Đằng	Hoá học	Ba
35	000921	ĐÀO NGỌC LINH	16/3/2008	THPT Bạch Đằng	Hoá học	KK
36	000981	LÊ VĂN PHÒNG	03/8/2008	THPT Bạch Đằng	Hoá học	KK
37	001049	TRẦN QUỐC VIỆT	03/02/2008	THPT Bạch Đằng	Hoá học	KK
38	001120	BÙI TRUNG KHÁNH HƯNG	23/8/2008	THPT Bạch Đằng	Sinh học	KK
39	001052	TÔ VĂN AN	16/8/2008	THPT Bạch Đằng	Sinh học	KK
40	001115	TRẦN THỊ KIM HỒNG	06/6/2008	THPT Bạch Đằng	Sinh học	KK
41	000417	NGUYỄN THỊ MINH ANH	04/02/2009	THPT Bạch Đằng	Toán	Nhì
42	000618	ĐINH BÙI MẠNH TUẤN	20/7/2009	THPT Bạch Đằng	Toán	Ba
43	000439	CÙ VIỆT TUẤN DŨNG	20/10/2009	THPT Bạch Đằng	Toán	KK
44	000441	NGUYỄN VĂN DŨNG	01/10/2009	THPT Bạch Đằng	Toán	KK
45	000729	HOÀNG BẢO LÂM	15/12/2008	THPT Bạch Đằng	Vật lí	Nhì
46	000693	LÊ ĐÌNH ANH GIÁP	26/11/2008	THPT Bạch Đằng	Vật lí	Ba
47	000690	PHẠM MINH ĐỨC	03/9/2008	THPT Bạch Đằng	Vật lí	KK
48	000731	NGUYỄN TUẤN LÂM	08/9/2008	THPT Bạch Đằng	Vật lí	KK
49	000674	ĐÀO ÁNH DƯƠNG	08/4/2008	THPT Bạch Đằng	Vật lí	KK
50	000968	ĐỖ MINH NHẬT	11/4/2008	THPT Cát Hải	Hoá học	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
51	000944	PHẠM HỒNG MINH	20/10/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
52	000969	LÊ NGUYỄN MINH NHẬT	26/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
53	001029	BÙI QUANG TÍN	04/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
54	001042	HOÀNG THANH TÙNG	29/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
55	000906	VŨ ĐỨC HUY	24/01/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
56	000950	TRẦN TUẤN NAM	17/6/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
57	001013	ĐOÀN CÔNG THÀNH	01/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
58	000878	HỒ MINH ĐỨC	22/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Nhì
59	000997	DƯƠNG QUỐC QUÂN	05/6/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
60	000914	NGUYỄN HẢI KHÁNH	01/02/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
61	000935	VŨ HOÀNG MAI	29/10/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
62	000964	NGÔ HOÀNG KHÔI NGUYỄN	28/8/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
63	001009	NGUYỄN VŨ THÁI	25/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
64	001019	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	22/02/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
65	000899	NGUYỄN TẤT MINH HOÀNG	11/4/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
66	000916	ĐỒNG XUÂN KHIÊM	21/3/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	Ba
67	000970	VŨ MINH NHẬT	16/12/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	KK
68	000890	HOÀNG TRỌNG HIỆP	08/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	KK
69	000896	NGUYỄN PHẠM TRÍ HIẾU	23/11/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	KK
70	000889	NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN	31/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	KK
71	000989	LÊ TRẦN PHƯƠNG	11/11/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Hoá học	KK
72	001205	VŨ TUỆ TÂM	12/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhất
73	001075	PHẠM VĂN THÁI BẢO	30/8/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
74	001102	PHẠM NGỌC HÀ	28/01/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
75	001208	ĐINH HỮU THÀNH	03/12/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
76	001065	NGUYỄN HÀ HẢI ANH	06/11/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
77	001084	NGUYỄN VIỆT DŨNG	26/5/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
78	001111	TRỊNH HIẾU	16/10/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
79	001211	NGUYỄN SĨ THÀNH	04/11/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
80	001107	HOÀNG XUÂN HIẾU	17/8/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
81	001131	ĐÀM TRẦN MAI LÊ	03/01/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
82	001136	NGUYỄN HÀ LINH	17/8/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
83	001124	LÊ HOÀNG KIM KHÁNH	30/11/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
84	001161	ĐỖ TRÀ MY	10/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
85	001190	NGUYỄN TUẤN PHONG	14/02/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Nhì
86	001175	TRỊNH KHÁNH NGỌC	28/12/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Ba
87	001083	PHẠM HOÀNG CƯỜNG	22/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Ba
88	001125	TRẦN VÂN KHÁNH	24/5/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Ba
89	001133	GIANG THÙY LINH	04/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Ba
90	001058	HOÀNG THU ANH	16/3/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Ba
91	001193	BÙI ĐÀM MAI PHƯƠNG	31/5/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	Ba
92	001082	NGUYỄN THÀNH CÔNG	22/4/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	KK
93	001119	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	05/01/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	KK
94	000422	PHẠM QUANG BÁCH	17/01/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Nhất
95	000516	PHẠM HOÀNG LÂM	01/3/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Nhì

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
96	000589	NGUYỄN TUỆ SƠN	26/9/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Nhì
97	000570	VŨ HỒNG PHÚC	18/02/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Nhì
98	000541	NGUYỄN LÊ ĐỨC MINH	14/6/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Nhì
99	000628	TRẦN ANH VŨ	15/7/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Ba
100	000434	PHẠM THUỶ CHI	20/6/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Ba
101	000426	VŨ GIA BẢO	05/10/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Ba
102	000543	NGUYỄN NHẬT MINH	07/9/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Ba
103	000425	NGÔ XUÂN GIA BẢO	23/10/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	Ba
104	000430	TẠ HỮU BÌNH	22/12/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
105	000513	MAI DUY TRƯỜNG LÂM	01/7/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
106	000530	BÙI NGỌC MAI	03/5/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
107	000601	NGÔ VĂN THIỆU	27/7/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
108	000436	DƯƠNG ĐỨC CƯỜNG	22/7/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
109	000477	LÊ ĐỒNG TRỌNG HIẾU	06/5/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
110	000533	BÙI NGỌC TUẤN MINH	28/01/2009	THPT Chuyên Trần Phú	Toán	KK
111	000688	ĐỖ ANH ĐỨC	22/3/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Nhất
112	000828	ĐÀO MINH TÙNG	22/4/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Nhất
113	000670	PHẠM ĐỨC DUY	14/11/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Nhì
114	000738	NGUYỄN ĐIỆU LINH	18/6/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Nhì
115	000806	LÊ CÔNG THÀNH	16/3/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Nhì
116	000769	VŨ HOÀNG NGUYỄN	17/01/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Nhì
117	000656	NGÔ QUỲNH CHI	19/8/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Ba
118	000802	NGUYỄN NGỌC THẠCH	15/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Ba
119	000823	PHẠM BẢ VIỆT TRUNG	02/3/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Ba
120	000660	ĐOÀN MINH CƯỜNG	07/6/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Ba
121	000689	NGUYỄN HOÀNG TRÍ ĐỨC	08/10/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Ba
122	000755	VŨ BÌNH TUẤN MINH	24/11/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	Ba
123	000642	NGUYỄN HOÀNG ANH	21/4/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
124	000733	MAI HOÀNG LÂN	12/7/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
125	000801	ĐẶNG VIỆT TẤN	30/6/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
126	000814	PHẠM THANH THƯ	20/6/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
127	000723	NGUYỄN ANH MINH KHÔI	29/12/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
128	000727	VŨ TRUNG KIÊN	13/01/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
129	000804	TRƯƠNG XUÂN THÁI	24/9/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK
130	000638	MAI CHÂU ANH	06/5/2008	THPT Chuyên Trần Phú	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
131	000407	BÙI THẾ ANH	13/9/2009	THPT Cộng Hiền	Toán	Ba
132	000529	VŨ KHÁNH LY	24/4/2009	THPT Cộng Hiền	Toán	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
133	000918	TRỊNH PHAN MINH KHÔI	05/6/2008	THPT Đồ Sơn	Hoá học	KK
134	001122	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	16/02/2008	THPT Đồ Sơn	Sinh học	Ba
135	000412	LƯƠNG TIẾN VIỆT ANH	16/8/2009	THPT Đồ Sơn	Toán	Ba
136	000539	LƯƠNG VĂN CÔNG MINH	05/01/2009	THPT Đồ Sơn	Toán	KK
137	000686	NGÔ LÊ HẢI ĐỊNH	06/7/2008	THPT Đồ Sơn	Vật lí	Ba
138	000700	ĐÀO CÔNG HIẾU	13/6/2008	THPT Đồ Sơn	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
139	000895	NGUYỄN KHẮC LÊ HIẾU	03/11/2008	THPT Đồng Hòa	Hoá học	KK
140	001080	ĐỖ MINH CHÂU	04/10/2009	THPT Đồng Hòa	Sinh học	KK
141	001077	PHẠM THỊ THANH BÌNH	18/12/2009	THPT Đồng Hòa	Sinh học	KK
142	000518	BÙI KHÁNH LINH	10/4/2009	THPT Đồng Hòa	Toán	Ba
143	000595	NGUYỄN DANH THÀNH	08/12/2009	THPT Đồng Hòa	Toán	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
144	000993	BÙI HỮU QUANG	12/01/2008	THPT Hải An	Hoá học	Nhì
145	001040	LÊ MINH TUẤN	24/3/2008	THPT Hải An	Hoá học	KK
146	000955	ĐINH HOÀNG NGÂN	30/11/2008	THPT Hải An	Hoá học	KK
147	001170	NGUYỄN THU NGÂN	16/9/2008	THPT Hải An	Sinh học	Ba
148	000514	NGUYỄN QUANG LÂM	04/7/2009	THPT Hải An	Toán	KK
149	000593	BÙI ĐỨC THÀNH	26/10/2009	THPT Hải An	Toán	KK
150	000712	NGUYỄN TRẦN QUANG HUY	24/10/2008	THPT Hải An	Vật lí	KK
151	000835	NGUYỄN MINH VŨ	28/02/2008	THPT Hải An	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
152	000954	BÙI THUỶ NGÀ	14/7/2008	THPT Hồng Bàng	Hoá học	Ba
153	000881	VŨ TRƯỜNG GIANG	18/10/2008	THPT Hồng Bàng	Hoá học	KK
154	001214	LÊ VIỆT THẮNG	21/01/2009	THPT Hồng Bàng	Sinh học	Ba
155	001143	NGUYỄN TRẦN HÀ LINH	18/10/2008	THPT Hồng Bàng	Sinh học	Ba
156	001239	TRẦN QUANG VINH	10/8/2009	THPT Hồng Bàng	Sinh học	KK
157	001093	NGÔ TIẾN ĐẠT	22/8/2008	THPT Hồng Bàng	Sinh học	KK
158	001229	LƯƠNG ĐỨC TRỌNG	12/11/2009	THPT Hồng Bàng	Sinh học	KK
159	000512	HOÀNG TÙNG LÂM	26/6/2009	THPT Hồng Bàng	Toán	Ba
160	000532	NGUYỄN TUẤN MẠNH	07/10/2009	THPT Hồng Bàng	Toán	KK
161	000591	TRẦN MINH SƠN	25/5/2009	THPT Hồng Bàng	Toán	KK
162	000644	PHAN ĐỨC ANH	14/4/2008	THPT Hồng Bàng	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
163	000862	LÊ THỊ TRÚC DIỄM	03/01/2008	THPT Hùng Thắng	Hoá học	KK
164	000940	NGUYỄN QUANG MINH	30/7/2008	THPT Hùng Thắng	Hoá học	KK
165	001028	PHẠM THỊ THƯƠNG	25/01/2008	THPT Hùng Thắng	Hoá học	KK
166	001114	VŨ AN HÒA	09/02/2009	THPT Hùng Thắng	Sinh học	Nhì
167	001196	PHẠM VŨ THU PHƯƠNG	28/7/2008	THPT Hùng Thắng	Sinh học	Nhì
168	001135	MAI MAI LINH	29/02/2008	THPT Hùng Thắng	Sinh học	Nhì
169	001225	LÊ THÙY TRANG	19/01/2008	THPT Hùng Thắng	Sinh học	Ba
170	000588	LƯƠNG MINH SƠN	22/02/2009	THPT Hùng Thắng	Toán	Ba
171	000470	LÊ THỊ NGỌC HÀ	18/12/2009	THPT Hùng Thắng	Toán	Ba
172	000437	PHẠM THIẾT CƯỜNG	17/02/2009	THPT Hùng Thắng	Toán	KK
173	000792	TRẦN TẤN SANG	18/02/2008	THPT Hùng Thắng	Vật lí	Nhì
174	000773	VŨ THỊ OANH	09/01/2008	THPT Hùng Thắng	Vật lí	Ba
175	000810	BÙI THỊ THẢO	12/12/2008	THPT Hùng Thắng	Vật lí	KK
176	000817	LÊ HUYỀN TRANG	01/03/2008	THPT Hùng Thắng	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
177	000884	PHẠM VŨ SON HẢI	12/8/2008	THPT Kiến An	Hoá học	Ba
178	001016	HOÀNG THU THẢO	17/10/2008	THPT Kiến An	Hoá học	Ba
179	000882	PHẠM MINH GIỚI	03/01/2008	THPT Kiến An	Hoá học	KK
180	000920	PHẠM HẢI LÂM	24/7/2008	THPT Kiến An	Hoá học	KK
181	000996	NGUYỄN ĐỨC QUẢNG	08/12/2008	THPT Kiến An	Hoá học	KK
182	001070	PHAN QUỐC ANH	21/6/2008	THPT Kiến An	Sinh học	Ba
183	001179	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	03/4/2008	THPT Kiến An	Sinh học	KK
184	000616	PHÙNG MINH TÚ	25/10/2009	THPT Kiến An	Toán	KK
185	000666	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	01/11/2008	THPT Kiến An	Vật lí	Nhì
186	000661	NGUYỄN NGỌC DIỆP	20/11/2008	THPT Kiến An	Vật lí	Ba
187	000652	VŨ ĐỨC BẢO	04/12/2008	THPT Kiến An	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
188	000856	NGUYỄN GIA BÌNH	04/4/2008	THPT Kiến Thụy	Hoá học	Nhì
189	001004	NGUYỄN THỊ QUỲNH	06/8/2008	THPT Kiến Thụy	Hoá học	Nhì
190	000965	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	08/9/2008	THPT Kiến Thụy	Hoá học	Ba
191	000961	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	19/10/2008	THPT Kiến Thụy	Hoá học	KK
192	001167	TRỊNH TIẾN NAM	17/7/2008	THPT Kiến Thụy	Sinh học	Ba
193	001200	NGUYỄN ANH QUÂN	13/6/2008	THPT Kiến Thụy	Sinh học	Ba
194	001054	BÙI THỊ NGỌC ANH	12/8/2009	THPT Kiến Thụy	Sinh học	KK
195	001245	WOO JONG WOO	26/10/2007	THPT Kiến Thụy	Sinh học	KK
196	000449	NGUYỄN HUY DƯƠNG	10/4/2009	THPT Kiến Thụy	Toán	Nhì
197	000574	VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	02/11/2009	THPT Kiến Thụy	Toán	Nhì
198	000597	HOÀNG THỊ THẢO	05/3/2009	THPT Kiến Thụy	Toán	Nhì
199	000492	LƯỠNG HỒNG XUÂN HƯƠNG	15/9/2009	THPT Kiến Thụy	Toán	Nhì
200	000623	NGUYỄN QUANG VIỆT	23/02/2009	THPT Kiến Thụy	Toán	Ba
201	000665	NGÔ TRÍ DŨNG	09/11/2008	THPT Kiến Thụy	Vật lí	Nhì
202	000832	PHẠM CHÍ VINH	29/9/2008	THPT Kiến Thụy	Vật lí	Nhì
203	000818	NGÔ HÀ TRANG	23/01/2008	THPT Kiến Thụy	Vật lí	Ba
204	000784	PHẠM MAI PHƯƠNG	17/10/2008	THPT Kiến Thụy	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
205	000909	ĐẶNG ĐÌNH KHÁNH HƯNG	06/12/2008	THPT Lê Chân	Hoá học	KK
206	001197	TRẦN HÀ PHƯƠNG	22/01/2008	THPT Lê Chân	Sinh học	Nhì

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
207	000979	PHẠM ĐỨC PHONG	20/6/2008	THPT Lê Hồng Phong	Hoá học	Ba
208	000951	VŨ TRỊNH BẢO NAM	08/5/2009	THPT Lê Hồng Phong	Hoá học	Ba
209	000891	ĐỖ TRUNG HIẾU	10/4/2008	THPT Lê Hồng Phong	Hoá học	KK
210	000995	PHẠM MINH QUANG	23/4/2008	THPT Lê Hồng Phong	Hoá học	KK
211	000584	VŨ TÚ QUYÊN	23/4/2009	THPT Lê Hồng Phong	Toán	Ba
212	000467	PHẠM PHƯƠNG ĐỨC	20/11/2009	THPT Lê Hồng Phong	Toán	KK
213	000821	NGUYỄN HOÀNG QUANG TRUNG	16/11/2008	THPT Lê Hồng Phong	Vật lí	KK
214	000737	LÊ PHƯƠNG LINH	10/11/2008	THPT Lê Hồng Phong	Vật lí	KK
215	000807	LƯU NGUYỄN PHÚ THÀNH	29/11/2008	THPT Lê Hồng Phong	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
216	001030	NGUYỄN ĐỨC TOÁN	18/9/2008	THPT Lê Ích Mộc	Hoá học	Ba
217	000838	CHU VĂN AN	26/8/2008	THPT Lê Ích Mộc	Hoá học	KK
218	000991	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	07/10/2008	THPT Lê Ích Mộc	Hoá học	KK
219	000742	VŨ TRẦN HẢI LONG	26/01/2008	THPT Lê Ích Mộc	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
220	000887	PHẠM THỊ NGỌC HẰNG	14/3/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhất
221	001007	ĐỖ HOÀNG SƠN	06/8/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhất
222	000927	NGUYỄN TRẦN MAI LINH	29/9/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhì
223	000941	NGUYỄN QUANG MINH	11/4/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhì
224	000956	NGÔ HOÀNG HÀ NGÂN	25/11/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhì
225	000897	PHẠM ĐÌNH HIẾU	27/8/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhì
226	000948	ĐẶNG TRẦN NAM	12/02/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Nhì
227	000926	NGUYỄN PHẠM GIA LINH	04/12/2008	THPT Lê Quý Đôn	Hoá học	Ba
228	001155	NGUYỄN HIẾU MINH	03/7/2008	THPT Lê Quý Đôn	Sinh học	Nhì
229	001092	HOÀNG TIẾN ĐẠT	19/9/2008	THPT Lê Quý Đôn	Sinh học	Ba
230	001164	TRẦN HÀN MY	17/01/2008	THPT Lê Quý Đôn	Sinh học	Ba
231	001094	VŨ THÀNH ĐẠT	25/10/2008	THPT Lê Quý Đôn	Sinh học	KK
232	001149	BÙI MINH LOAN	28/01/2008	THPT Lê Quý Đôn	Sinh học	KK
233	000471	HOÀNG TRUNG HẢI	05/9/2009	THPT Lê Quý Đôn	Toán	Ba
234	000457	LÊ PHAN ĐẠT	10/11/2009	THPT Lê Quý Đôn	Toán	KK
235	000495	TRẦN NAM KHÁNH	3/10/2009	THPT Lê Quý Đôn	Toán	KK
236	000408	CHU DUY ANH	20/02/2009	THPT Lê Quý Đôn	Toán	KK
237	000762	ĐÌNH BẢO NAM	27/12/2008	THPT Lê Quý Đôn	Vật lí	Nhì
238	000716	VŨ DUY HÙNG	31/01/2008	THPT Lê Quý Đôn	Vật lí	Ba
239	000754	TRẦN VŨ HOÀNG MINH	08/7/2008	THPT Lê Quý Đôn	Vật lí	KK
240	000680	LÊ TIẾN ĐẠT	22/8/2008	THPT Lê Quý Đôn	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
241	001018	NGUYỄN LÊ THANH THẢO	10/4/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Hoá học	Nhì
242	000868	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	1/1/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Hoá học	Ba
243	000883	CAO TRUNG HẢI	29/10/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Hoá học	Ba
244	000854	PHAN GIA BẢO	11/1/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Hoá học	KK
245	001129	TRẦN ĐĂNG KHOA	18/2/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Sinh học	Ba
246	001173	ĐÀO THỊ MINH NGỌC	12/5/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Sinh học	Ba
247	001146	TRẦN THỊ NGỌC LINH	31/12/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Sinh học	KK
248	000587	BÙI ĐỨC TRƯỜNG SƠN	9/8/2009	THPT Lý Thường Kiệt	Toán	Ba
249	000501	ĐÀM THỂ KHƯƠNG	27/8/2009	THPT Lý Thường Kiệt	Toán	Ba
250	000469	ĐÀM NGỌC HÀ	22/8/2009	THPT Lý Thường Kiệt	Toán	KK
251	000779	VŨ HOÀNG PHÚC	24/4/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Vật lí	Nhất
252	000827	PHẠM ANH TUẤN	6/12/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Vật lí	Ba
253	000803	TRẦN VĂN THÁI	5/2/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Vật lí	Ba
254	000713	ĐỒNG KHÁNH HUYỀN	20/3/2008	THPT Lý Thường Kiệt	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
255	001010	PHẠM QUANG THÁI	01/4/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Hoá học	Ba
256	000861	PHẠM VĂN CUỒNG	26/11/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Hoá học	KK
257	000978	NGUYỄN TRỌNG PHÁT	07/6/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Hoá học	KK
258	001108	NGUYỄN DUY HIẾU	06/8/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Sinh học	KK
259	001172	DƯƠNG HÀ BẢO NGỌC	03/8/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Sinh học	KK
260	001201	BÙI THỊ QUỲNH	30/6/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Sinh học	KK
261	001163	NGUYỄN THẢO MY	22/8/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Sinh học	KK
262	000456	LÊ ĐỨC ĐẠT	25/8/2009	THPT Mạc Đĩnh Chi	Toán	Nhất
263	000607	NGUYỄN MẠNH TIẾN	12/5/2009	THPT Mạc Đĩnh Chi	Toán	Ba
264	000599	TRẦN NGỌC BẢO THI	22/12/2009	THPT Mạc Đĩnh Chi	Toán	KK
265	000567	NGUYỄN NAM PHONG	24/7/2009	THPT Mạc Đĩnh Chi	Toán	KK
266	000788	TRẦN MINH QUÂN	05/9/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Vật lí	Nhất
267	000767	HOÀNG BẢO NGỌC	22/4/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Vật lí	Nhì
268	000659	NGUYỄN KIM CHUNG	10/3/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Vật lí	Ba
269	000667	NGUYỄN VĂN DŨNG	28/9/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Vật lí	Ba
270	000820	ĐÀO QUỐC TRỊNH	13/11/2008	THPT Mạc Đĩnh Chi	Vật lí	Ba

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
271	001023	TRẦN PHƯƠNG THÙY	20/8/2008	THPT Ngô Quyền	Hoá học	Ba
272	000840	LÊ THANH HẢI AN	09/6/2008	THPT Ngô Quyền	Hoá học	Ba
273	001021	PHẠM MINH THẮNG	11/02/2008	THPT Ngô Quyền	Hoá học	KK
274	000999	NGUYỄN DUY QUÂN	05/4/2008	THPT Ngô Quyền	Hoá học	KK
275	001238	VŨ HẢI VÂN	26/11/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Nhì
276	001169	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	11/12/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Nhì
277	001177	TRỊNH KHÔI NGUYỄN	07/7/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Nhì
278	001158	PHẠM NGỌC MINH	28/5/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Nhì
279	001118	NGUYỄN PHÚC HUY	08/4/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Ba
280	001156	NGUYỄN NHẬT MINH	03/01/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Ba
281	001234	BÙI QUANG TÙNG	24/7/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Ba
282	001112	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG HOA	01/6/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Ba
283	001113	ĐINH THỊ HÒA	30/6/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Ba
284	001204	LÊ THỊ MINH TÂM	29/12/2008	THPT Ngô Quyền	Sinh học	Ba
285	000433	PHẠM MINH CHI	26/10/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	Nhì
286	000484	ĐẶNG QUANG HUY	26/9/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	Nhì
287	000613	PHẠM ĐỨC TRUNG	14/5/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	Ba
288	000561	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	24/9/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	Ba
289	000455	LÊ BÁ HOÀNG ĐẠT	22/10/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	Ba
290	000515	NGUYỄN TÙNG LÂM	16/7/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	KK
291	000583	VŨ MINH QUÂN	26/02/2009	THPT Ngô Quyền	Toán	KK
292	000753	NGÔ NHẬT MINH	17/11/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	Nhì
293	000681	NGUYỄN DUY ĐẠT	02/10/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	Ba
294	000679	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	06/7/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	KK
295	000768	NGUYỄN BÁ NGUYỄN	29/12/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	KK
296	000797	NGUYỄN TIẾN TÀI	26/5/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	KK
297	000641	NGUYỄN ĐỨC ANH	08/7/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	KK
298	000696	TRẦN VIỆT ANH HÀO	02/10/2008	THPT Ngô Quyền	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
299	001050	NGUYỄN QUANG VINH	20/5/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Nhì
300	000866	HOÀNG HẢI DƯƠNG	25/11/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Nhì
301	000983	ĐÀO VĂN PHÚ	16/10/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Nhì
302	000912	ĐÀO TRUNG KHANG	11/7/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Ba
303	000842	BÙI DUY ANH	05/12/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Ba
304	000958	ĐÀO VŨ NGỌC	25/12/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Ba
305	000876	ĐỖ MINH ĐỨC	21/6/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Ba
306	000938	HOÀNG VĂN MINH	03/8/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	Ba
307	000917	BÙI DUY KHOA	05/12/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hoá học	KK
308	001236	PHẠM VĂN TUỒNG	04/01/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	Nhì
309	001097	ĐỖ ANH ĐỨC	15/01/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	Ba
310	001226	NGUYỄN PHẠM THÙY TRANG	11/10/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	Ba
311	001186	VŨ TÔ NHƯ	02/01/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	KK
312	001228	VŨ HUYỀN TRANG	31/01/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	KK
313	001101	ĐỖ THỊ HOÀNG HÀ	22/01/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	KK
314	001222	VŨ ANH THU	28/5/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	KK
315	001218	ĐẶNG THU THỦY	11/6/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	KK
316	000466	NGUYỄN PHÚC ĐỨC	10/12/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Nhì
317	000458	PHẠM THẾ ĐẠT	31/7/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Nhì
318	000602	KHÔNG MINH THU	07/8/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Nhì
319	000619	NGUYỄN ANH TUẤN	21/4/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Nhì
320	000468	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	04/4/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Nhì
321	000454	BÙI ĐẮC ĐẠO	11/7/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Nhì
322	000461	BÙI KIM ĐỨC	30/01/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Ba
323	000479	VŨ MINH HIẾU	29/3/2009	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Toán	Ba
324	000805	BÙI DUY THÀNH	24/4/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Vật lí	Nhì
325	000675	ĐÀO VŨ ÁNH DƯƠNG	31/5/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Vật lí	Nhì
326	000816	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	29/12/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Vật lí	Ba
327	000786	VŨ NGỌC QUANG	15/4/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Vật lí	KK
328	000811	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	02/01/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Vật lí	KK
329	000685	VŨ TIẾN ĐẠT	06/8/2008	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
330	000499	LÊ ANH KHOA	29/12/2009	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Toán	Ba
331	000411	ĐỒNG HOÀNG ANH	25/4/2009	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Toán	KK
332	000831	PHẠM THỊ KIỀU VÂN	08/6/2008	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
333	000491	NGUYỄN VIỆT THÀNH HƯNG	06/12/2009	THPT Nguyễn Khuyến	Toán	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
334	000966	NGUYỄN HỮU TINH NHÂN	12/3/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Hoá học	Nhất
335	000855	DƯƠNG XUÂN BẮC	8/12/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Hoá học	Nhì
336	000875	BÙI HẢI ĐĂNG	25/5/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Hoá học	Nhì
337	000957	NGUYỄN KIM NGÂN	20/4/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Hoá học	Nhì
338	000893	LÊ TRUNG HIẾU	4/6/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Hoá học	Ba
339	001162	HOÀNG THỊ TRÀ MY	03/11/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Sinh học	KK
340	001224	BÙI THU TRANG	16/9/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Sinh học	KK
341	000415	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	5/1/2009	THPT Phạm Ngũ Lão	Toán	Ba
342	000536	ĐINH CHÍNH HIỆU MINH	10/4/2009	THPT Phạm Ngũ Lão	Toán	Ba
343	000547	BÙI BẢO NAM	14/01/2009	THPT Phạm Ngũ Lão	Toán	Ba
344	000626	ĐINH VŨ	29/8/2009	THPT Phạm Ngũ Lão	Toán	Ba
345	000480	VŨ THỊ THU HOÀN	31/7/2009	THPT Phạm Ngũ Lão	Toán	KK
346	000819	BÙI HOÀNG BẢO TRÂM	21/01/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Vật lí	Ba
347	000658	VŨ MINH CHIẾN	30/12/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Vật lí	KK
348	000825	PHẠM VIỆT TÚ	11/10/2008	THPT Phạm Ngũ Lão	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
349	000577	LÊ MINH QUANG	09/11/2009	THPT Pt Hermann Gmeiner	Toán	Ba

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
350	000860	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	08/11/2008	THPT Quang Trung	Hoá học	KK
351	000952	ĐỖ HẢI NGÀ	08/5/2008	THPT Quang Trung	Hoá học	KK
352	000907	BÙI THỊ NGỌC HUYỀN	01/01/2008	THPT Quang Trung	Hoá học	KK
353	000985	NGUYỄN CÔNG PHÚC	12/7/2008	THPT Quang Trung	Hoá học	KK
354	001061	LÊ THỊ TRÂM ANH	25/3/2008	THPT Quang Trung	Sinh học	KK
355	001165	ĐOÀN HOÀNG MỸ	04/12/2008	THPT Quang Trung	Sinh học	KK
356	000534	DƯƠNG NHẬT MINH	01/9/2009	THPT Quang Trung	Toán	KK
357	000555	HOÀNG MINH NGỌC	15/12/2009	THPT Quang Trung	Toán	KK
358	000750	ĐẶNG QUANG MINH	21/8/2008	THPT Quang Trung	Vật lí	Ba
359	000775	TRẦN ĐÌNH PHONG	19/5/2008	THPT Quang Trung	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
360	000575	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	06/8/2008	THPT Quốc Tuấn	Sinh học	Ba
361	000502	ĐỖ TRUNG KIÊN	01/3/2009	THPT Quốc Tuấn	Toán	Ba
362	000578	ĐÀO DUY QUÂN	24/4/2009	THPT Quốc Tuấn	Toán	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
363	000903	VŨ MINH HÙNG	26/12/2008	THPT Thái Phiên	Hoá học	Ba
364	000915	PHẠM HOÀNG KHÁNH	09/01/2008	THPT Thái Phiên	Hoá học	Ba
365	000933	HOÀNG TUYẾT MAI	23/02/2008	THPT Thái Phiên	Hoá học	Ba
366	000963	VŨ NGUYỄN KHÁNH NGỌC	01/10/2008	THPT Thái Phiên	Hoá học	Ba
367	000905	NGUYỄN QUANG HUY	03/12/2009	THPT Thái Phiên	Hoá học	Ba
368	000937	ĐOÀN ĐỨC MINH	05/02/2008	THPT Thái Phiên	Hoá học	Ba
369	001048	PHẠM TUẤN VIỆT	14/11/2008	THPT Thái Phiên	Hoá học	KK
370	001062	LÊ VIỆT ANH	14/10/2009	THPT Thái Phiên	Sinh học	Ba
371	001243	PHAN MINH VŨ	16/7/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	Ba
372	001244	LÊ THỊ YẾN VY	10/7/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	Ba
373	001098	ĐỖ HƯƠNG GIANG	18/10/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	KK
374	001174	HOÀNG THỊ MINH NGỌC	03/10/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	KK
375	001191	ĐẶNG ĐỖ PHÚC	26/01/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	KK
376	001232	LÊ VIỆT TRUNG	15/6/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	KK
377	001071	TRẦN BẢO ANH	19/11/2008	THPT Thái Phiên	Sinh học	KK
378	001139	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	03/4/2009	THPT Thái Phiên	Sinh học	KK
379	000409	ĐOÀN VIỆT ANH	08/7/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhất
380	000443	THÁI ANH DŨNG	05/9/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhất
381	000521	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG LINH	10/4/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhất
382	000624	NGUYỄN CHÍ VINH	04/8/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhất
383	000544	NGUYỄN TUẤN MINH	10/7/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhì
384	000596	TRẦN QUANG THÀNH	02/7/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhì
385	000419	PHẠM NGUYỄN HÀ ANH	21/9/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhì
386	000453	TRẦN HOÀNG THÙY DƯƠNG	24/02/2009	THPT Thái Phiên	Toán	Nhì
387	000485	HOÀNG ĐỨC HUY	16/7/2009	THPT Thái Phiên	Toán	KK
388	000636	LÊ THỊ HẢI ANH	27/11/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Nhì
389	000684	PHẠM TẤN ĐẠT	26/8/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Ba
390	000706	NGUYỄN HUY HOÀNG	21/12/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Ba
391	000709	NGUYỄN TUẤN HÙNG	16/8/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Ba
392	000657	TRẦN LINH CHI	05/10/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Ba
393	000668	PHẠM TRUNG DŨNG	18/9/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Ba
394	000826	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	15/12/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	Ba
395	000776	TRỊNH QUANG PHONG	05/11/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	KK
396	000673	TRẦN NGỌC DUY	31/10/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	KK
397	000834	LÊ CÔNG TRÍ VŨ	30/6/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	KK
398	000698	BÙI VĂN HIỆP	19/02/2008	THPT Thái Phiên	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
399	001037	HÀ QUANG TRƯỜNG	17/01/2008	THPT Thăng Long	Hoá học	KK
400	000472	NGUYỄN PHẠM NAM HẢI	17/4/2009	THPT Thăng Long	Toán	Ba
401	000551	NGUYỄN THÀNH NAM	09/4/2009	THPT Thăng Long	Toán	Ba
402	000496	VŨ DUY KHÁNH	05/8/2009	THPT Thăng Long	Toán	KK
403	000703	NGUYỄN TRUNG HIẾU	19/01/2008	THPT Thăng Long	Vật lí	Ba

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
404	000451	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	18/9/2009	THPT Thủy Sơn	Toán	Ba

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
405	000984	HOÀNG MINH PHÚC	26/11/2008	THPT Tiên Lãng	Hoá học	Ba
406	000888	HOÀNG MINH HẬU	12/11/2008	THPT Tiên Lãng	Hoá học	KK
407	001027	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	21/5/2008	THPT Tiên Lãng	Hoá học	KK
408	000857	NGUYỄN QUANG CHÍNH	14/8/2008	THPT Tiên Lãng	Hoá học	KK
409	001192	NGUYỄN MINH PHỤNG	17/9/2008	THPT Tiên Lãng	Sinh học	Ba
410	001152	ĐÀO TRƯỞNG THANH MAI	22/10/2008	THPT Tiên Lãng	Sinh học	KK
411	001220	NGUYỄN PHẠM ANH THƯ	24/11/2008	THPT Tiên Lãng	Sinh học	KK
412	001074	VŨ TRANG ANH	08/10/2008	THPT Tiên Lãng	Sinh học	KK
413	001066	NGUYỄN NGỌC ANH	06/7/2008	THPT Tiên Lãng	Sinh học	KK
414	000507	DƯƠNG TUẤN KIẾT	05/9/2009	THPT Tiên Lãng	Toán	Nhì
415	000511	ĐOÀN TÙNG LÂM	27/10/2009	THPT Tiên Lãng	Toán	Ba
416	000573	NGUYỄN VŨ MẠNH PHƯƠNG	14/3/2009	THPT Tiên Lãng	Toán	KK
417	000568	VŨ HỒNG PHONG	25/6/2009	THPT Tiên Lãng	Toán	KK
418	000725	NGUYỄN TRÍ KIÊN	04/4/2008	THPT Tiên Lãng	Vật lí	Ba
419	000651	HOÀNG GIA BẢO	11/6/2008	THPT Tiên Lãng	Vật lí	KK
420	000836	PHẠM YẾN VY	15/02/2008	THPT Tiên Lãng	Vật lí	KK
421	000790	PHẠM NHƯ QUỲNH	07/11/2008	THPT Tiên Lãng	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
422	000911	VŨ VĂN KHẢI	15/8/2008	THPT Tô Hiệu	Hoá học	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
423	001002	ĐOÀN THỊ YÊN QUYÊN	12/11/2008	THPT Toàn Thắng	Hoá học	Ba
424	000885	NGUYỄN HỒNG HẠNH	30/8/2008	THPT Toàn Thắng	Hoá học	KK
425	000919	PHAN THÚY LAN	12/7/2008	THPT Toàn Thắng	Hoá học	KK
426	001078	PHẠM THỦY BÌNH	30/9/2008	THPT Toàn Thắng	Sinh học	KK
427	001223	VŨ THỊ ANH THU	15/5/2008	THPT Toàn Thắng	Sinh học	KK
428	000460	VŨ HẢI ĐĂNG	21/3/2009	THPT Toàn Thắng	Toán	Nhất
429	000614	TRỊNH HỮU TRUNG	26/6/2009	THPT Toàn Thắng	Toán	Nhì
430	000525	ĐẶNG GIA LỘC	22/10/2009	THPT Toàn Thắng	Toán	Ba
431	000423	BÙI TIÊU BẢO	04/02/2009	THPT Toàn Thắng	Toán	KK
432	000537	ĐOÀN ĐỨC MINH	04/10/2009	THPT Toàn Thắng	Toán	KK
433	000781	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	19/02/2008	THPT Toàn Thắng	Vật lí	Nhì
434	000714	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	04/01/2008	THPT Toàn Thắng	Vật lí	Nhì
435	000740	PHAN PHƯƠNG LOAN	04/7/2008	THPT Toàn Thắng	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
436	000865	PHẠM TUẤN DŨNG	22/02/2008	THPT Trần Hưng Đạo	Hoá học	Ba
437	001017	NGÔ THANH THẢO	06/10/2008	THPT Trần Hưng Đạo	Hoá học	KK
438	001168	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	11/4/2008	THPT Trần Hưng Đạo	Sinh học	Nhì
439	000459	TRỊNH HIẾU ĐĂNG	17/8/2009	THPT Trần Hưng Đạo	Toán	Nhì
440	000446	PHAN VĂN DUY	04/3/2009	THPT Trần Hưng Đạo	Toán	Ba
441	000483	PHẠM NGUYỄN NGỌC HÙNG	04/4/2009	THPT Trần Hưng Đạo	Toán	KK
442	000760	PHẠM THỊ HÀ MY	22/4/2008	THPT Trần Hưng Đạo	Vật lí	KK
443	000824	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	20/02/2008	THPT Trần Hưng Đạo	Vật lí	KK
444	000655	ĐÀO THỊ YÊN CHI	07/10/2008	THPT Trần Hưng Đạo	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẰNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
445	001199	LÊ HOÀNG MINH QUÂN	08/4/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Sinh học	Ba
446	001089	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	15/3/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Sinh học	Ba
447	001230	LƯƠNG THỊ NGỌC TRÚC	31/01/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Sinh học	Ba
448	001109	TRẦN ĐỨC HIẾU	12/8/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Sinh học	KK
449	000490	HOÀNG NGUYỄN TUẤN HƯNG	04/02/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	Ba
450	000523	PHẠM THÀNH LONG	21/9/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	Ba
451	000550	MẠC ĐĂNG BẢO NAM	20/8/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	KK
452	000548	HÀ HUY NAM	07/10/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	KK
453	000582	LÊ ANH QUÂN	14/12/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	KK
454	000620	NGUYỄN THU UYÊN	21/10/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	KK
455	000509	BÙI HOÀNG LÂM	14/8/2009	THPT Trần Nguyên Hãn	Toán	KK
456	000707	ĐẶNG QUỐC HÙNG	07/7/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	Nhất
457	000736	ĐỖ MỸ LINH	05/10/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	Nhất
458	000724	VŨ NGỌC KHÔI	08/8/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	Nhì
459	000691	VŨ MINH ĐỨC	23/10/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	Nhì
460	000772	PHAN LÂM HUỆ NHƯ	21/11/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	Ba
461	000632	NGUYỄN THỀ VIỆT AN	24/3/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	KK
462	000722	LÊ NGUYỄN ANH KHÔI	05/11/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	KK
463	000728	TRẦN TRUNG THÁI KIẾT	22/12/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	KK
464	000739	NGUYỄN HOÀNG LINH	16/11/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	KK
465	000711	NGUYỄN QUỐC HUY	21/12/2008	THPT Trần Nguyên Hãn	Vật lí	KK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỶ THI GIẢI TOÁN VÀ KHTN BẢNG TIẾNG ANH
CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 3 năm 2025)

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường	Môn	Xếp giải
466	000867	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	14/3/2008	THPT Vĩnh Bảo	Hoá học	KK
467	000901	VŨ VIỆT HOÀNG	06/7/2008	THPT Vĩnh Bảo	Hoá học	KK
468	000853	VÕ MINH ÁNH	10/9/2008	THPT Vĩnh Bảo	Hoá học	KK
469	001006	ĐOÀN NGỌC SIÊU	30/8/2008	THPT Vĩnh Bảo	Hoá học	KK
470	001041	NGUYỄN PHÚC ANH TUẤN	09/02/2008	THPT Vĩnh Bảo	Hoá học	KK
471	001157	NGUYỄN NHẬT MINH	04/3/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Nhất
472	001176	VŨ BẢO NGỌC	05/10/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Nhất
473	001064	NGUYỄN CHU HỒNG ANH	02/7/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Nhất
474	001117	LÊ QUANG HUY	03/3/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Nhì
475	001210	ĐỖ TRUNG THÀNH	22/9/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Nhì
476	001076	NGUYỄN THỊ BÌNH	14/9/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Nhì
477	001086	ĐỖ MỸ DUYỀN	19/4/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Ba
478	001147	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	11/02/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Ba
479	001091	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	24/3/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Ba
480	001182	NGUYỄN TUỆ NHI	26/12/2008	THPT Vĩnh Bảo	Sinh học	Ba
481	000542	NGUYỄN NGỌC MINH	04/02/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	Nhì
482	000562	VŨ THIÊN NHÂN	21/11/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	Nhì
483	000497	BÙI VIỆT KHOA	17/02/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	Nhì
484	000504	NGUYỄN TRUNG KIÊN	29/11/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	Ba
485	000608	TRẦN MẠNH TOÀN	12/01/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	Ba
486	000498	LÂM ANH KHOA	17/12/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	Ba
487	000445	NGUYỄN VIỆT DUY	22/02/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	KK
488	000418	NGUYỄN VIỆT ANH	31/7/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	KK
489	000463	HOÀNG TIẾN ĐỨC	25/8/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	KK
490	000478	PHẠM MINH HIẾU	05/01/2009	THPT Vĩnh Bảo	Toán	KK
491	000708	NGUYỄN TIẾN HÙNG	22/4/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhất
492	000635	ĐỖ LAN ANH	03/9/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhì
493	000730	KHÚC BẢO LÂM	17/6/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhì
494	000634	ĐOÀN THỊ NGỌC ANH	13/02/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhì
495	000683	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	20/02/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhì
496	000759	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/11/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhì
497	000783	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	12/3/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Nhì
498	000782	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	24/01/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	Ba
499	000778	VŨ ĐỖ HỒNG PHÚC	02/01/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	KK
500	000798	TRẦN THẾ TÀI	21/11/2008	THPT Vĩnh Bảo	Vật lí	KK